TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:162/2022/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 15 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 173/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con", giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Ph**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn Mộc T, xã Phú G, huyện P, tỉnh T.

- Bị đơn: **Anh Trần Đình T**; sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn Mộc T, xã Phú G, huyện P, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà thành ngày 07 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Trần Đình T thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao 03 con chung là Trần Nguyễn Diệu L, sinh ngày 12/6/2008, Trần Nguyễn Kim Ch, sinh ngày 09/11/2010 và Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 16/9/2014 cho chị Ph chăm sóc, nuôi dưỡng đến lúc con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Mỗi tháng anh T cấp dưỡng nuôi 03 con chung 4.500.000 đồng (1.500.000 đồng/tháng/01 con). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Ph có đơn yêu cầu thi hành án mà anh T chưa thanh toán thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại điều

357 và điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn (mỗi người 75.000 đồng), anh T phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nhưng hai đương sự thỏa thuận nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ph chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Phương đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005025 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành bản án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh T;*
- *VKSND huyện P;*
- *Chi cục THADS huyện P;*
- *UBND xã P.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Trần Thị Thanh Vân